



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Gạch men Thanh Thanh

Ngày 30/09/2025	7,600 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	26.7%	18.8%	-

DT thuần Q3/25
39.8
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 1.90 4.9%
YoY: ▼ 6.90 -14.8%

LN thuần Q3/25
-5.19
tỷ VNĐ
QoQ: ▼ 5.15 -12865%
YoY: ▼ 6.76 -430%

LN sau thuế Q3/25
-6.52
tỷ VNĐ
QoQ: ▼ 6.47 -12933%
YoY: ▼ 8.01 -537%

Tỷ suất lãi EBIT Q3/25
-16.4%
YoY: +/- ▼ 16.2%

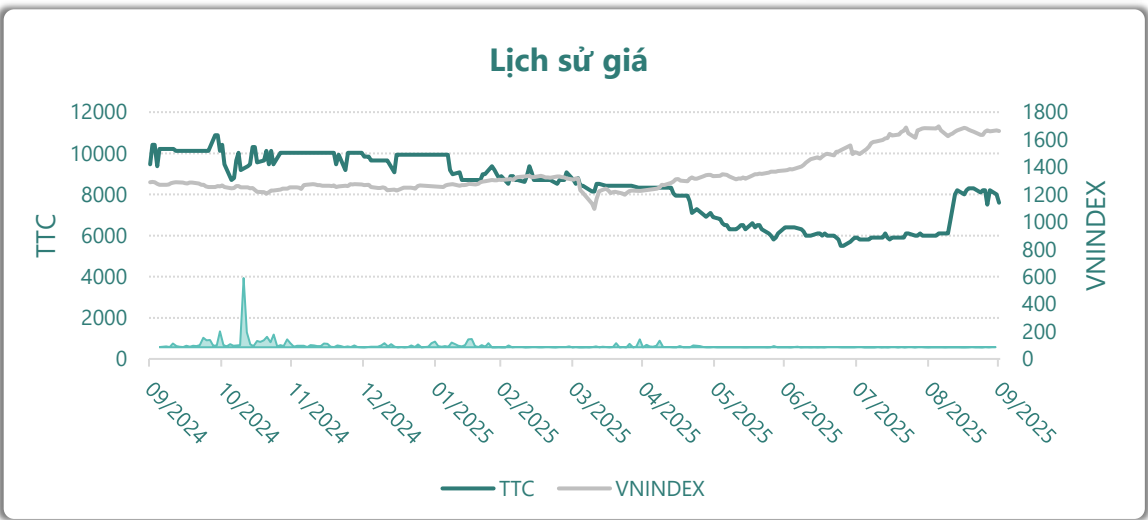
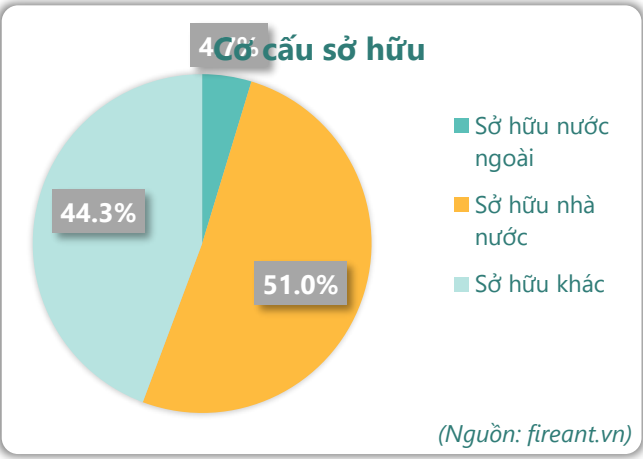
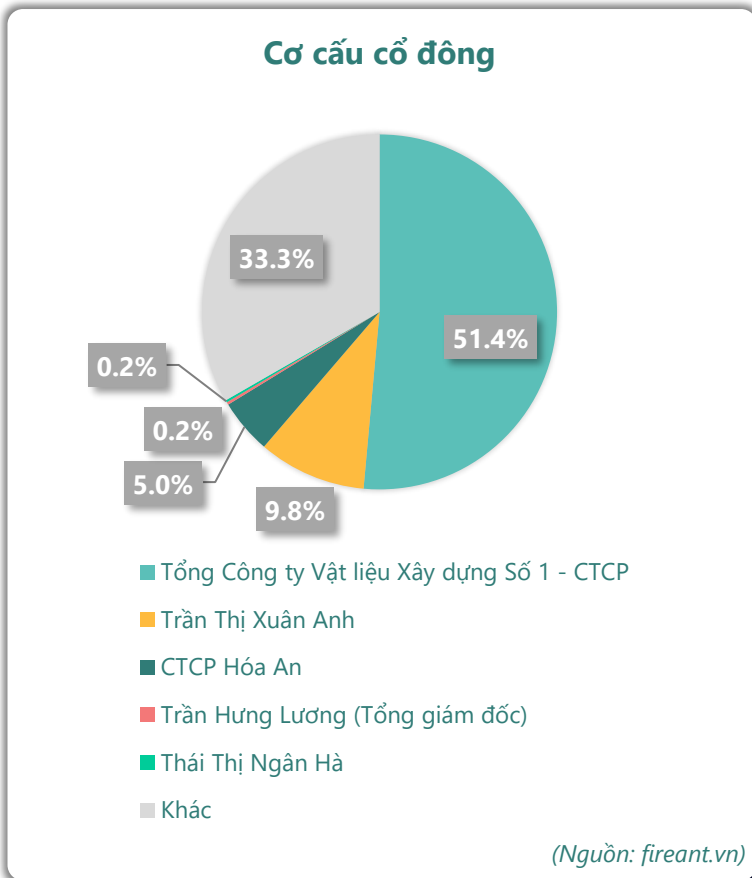
ROE (TTM) Q3/25
-5.2%
YoY: +/- ▼ 7.1%

Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	5,500 - 10,878
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	45
Số lượng CPLH (CP)	5,940,528
KLGD BQ 20 phiên (CP)	12,490
Sở hữu nước ngoài	4.7%
Beta	0.30
EPS	-980
P/E	-7.8

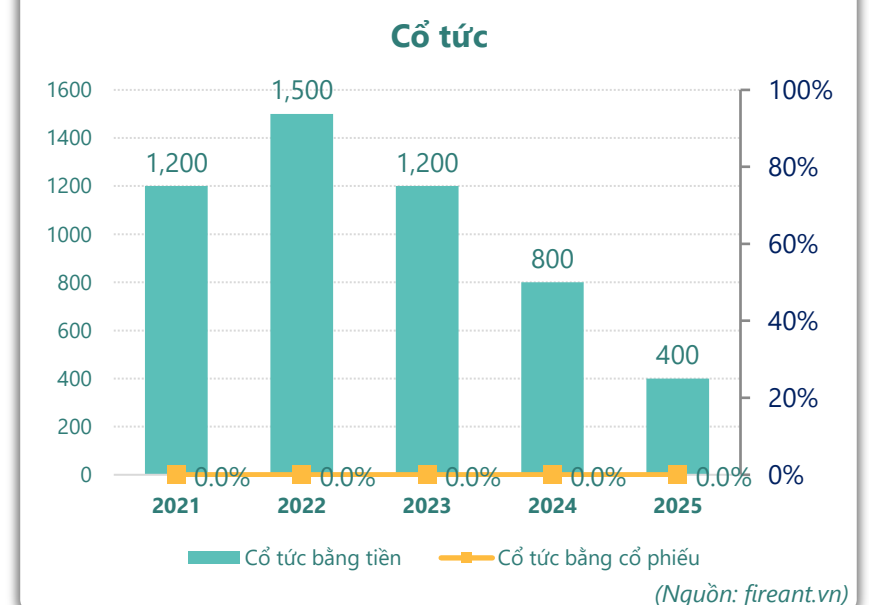
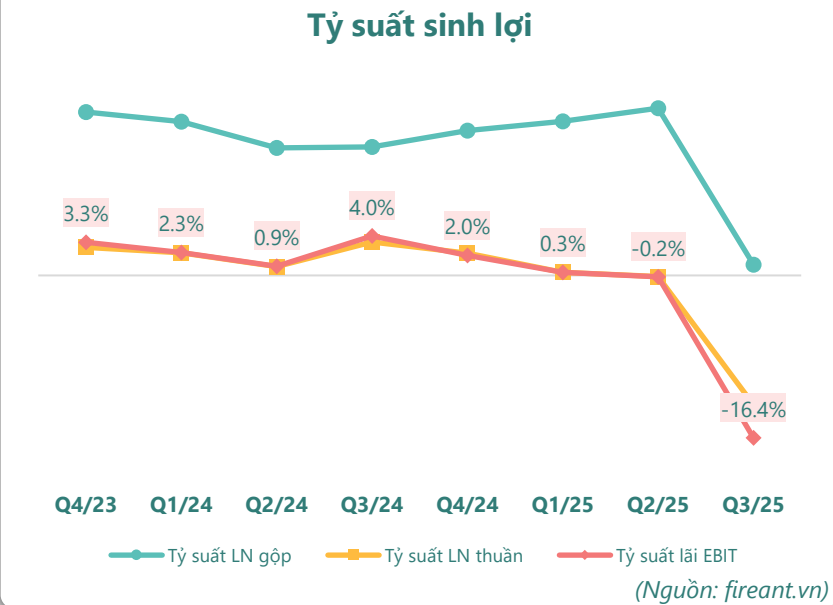
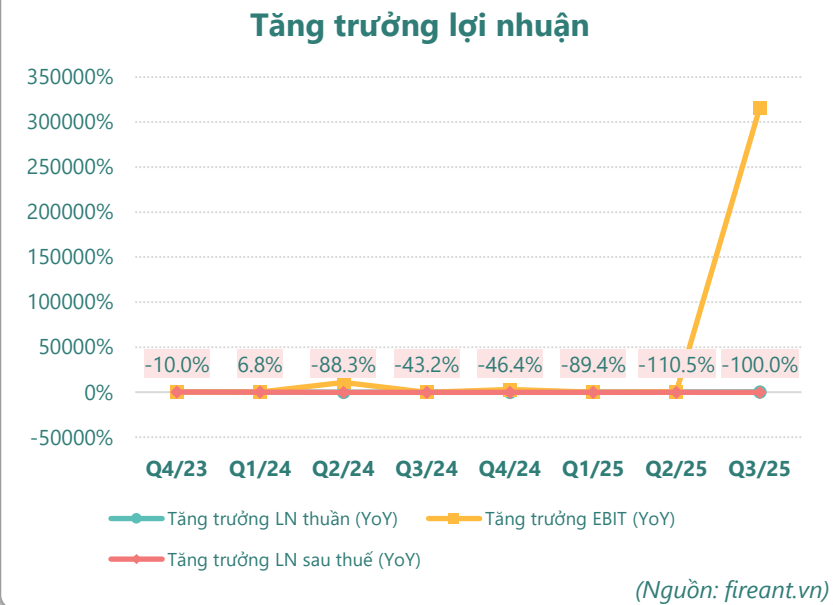
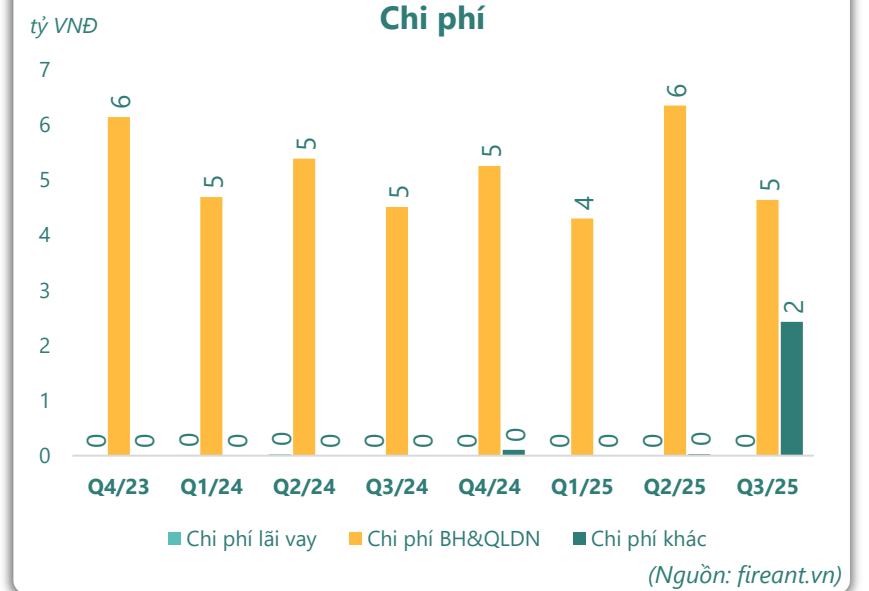
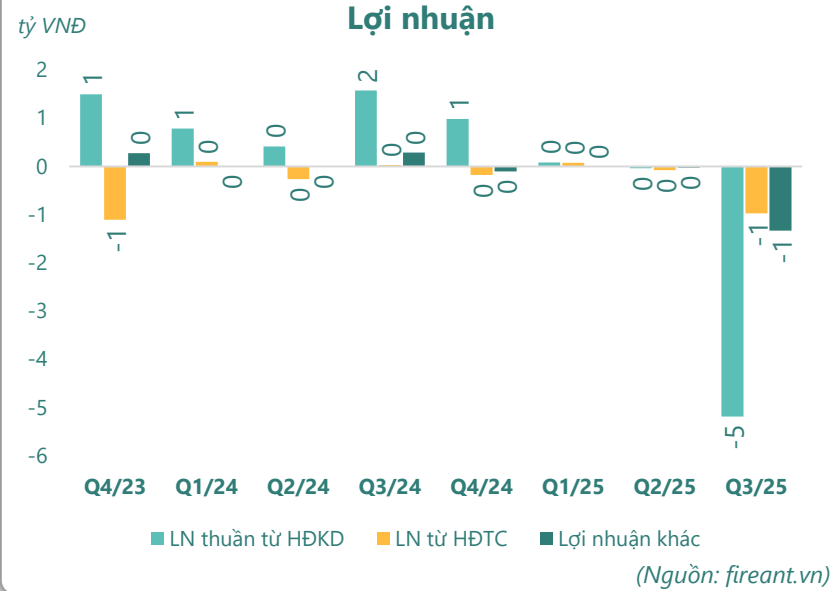
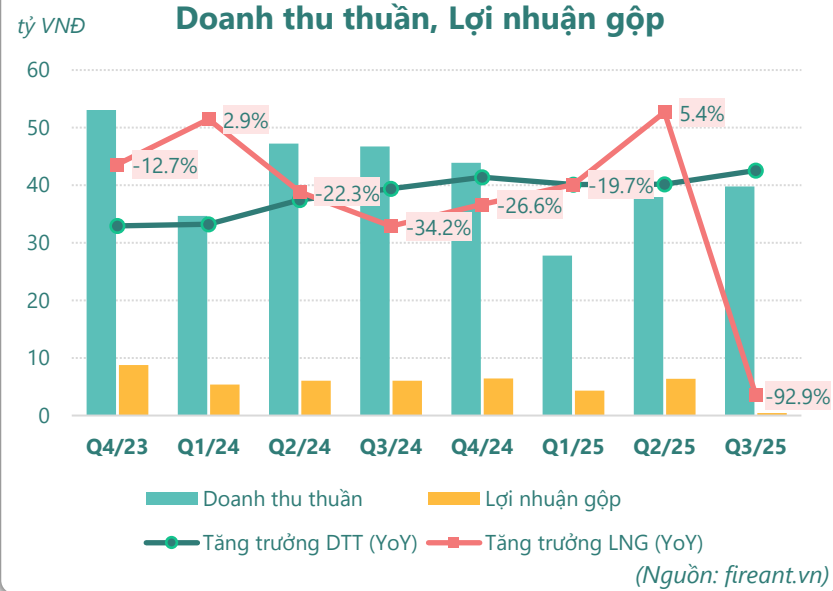
DT thuần 9T 2025
106
tỷ VNĐ
YoY: ▼ 23.0 -18.0%

LN thuần 9T 2025
-5.14
tỷ VNĐ
YoY: ▼ 7.91 -285%

LN sau thuế 9T 2025
-6.50
tỷ VNĐ
YoY: ▼ 8.94 -366%



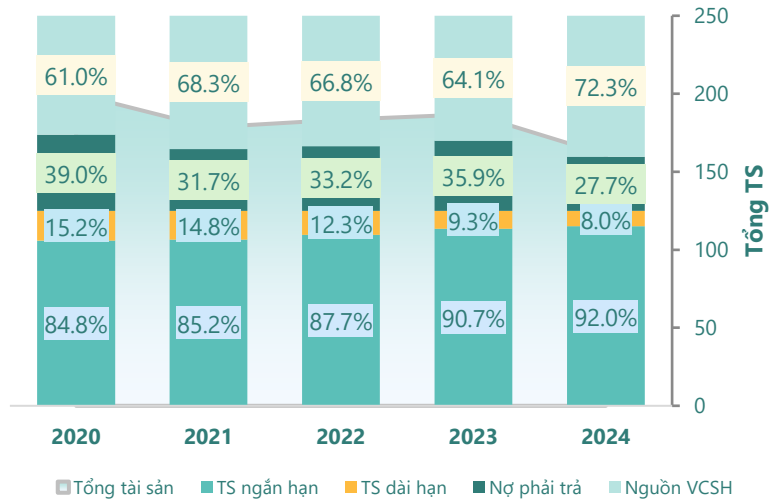
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

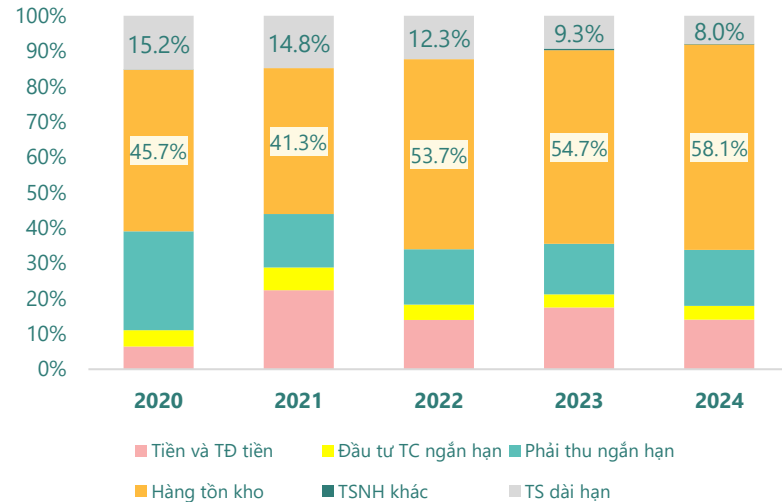
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

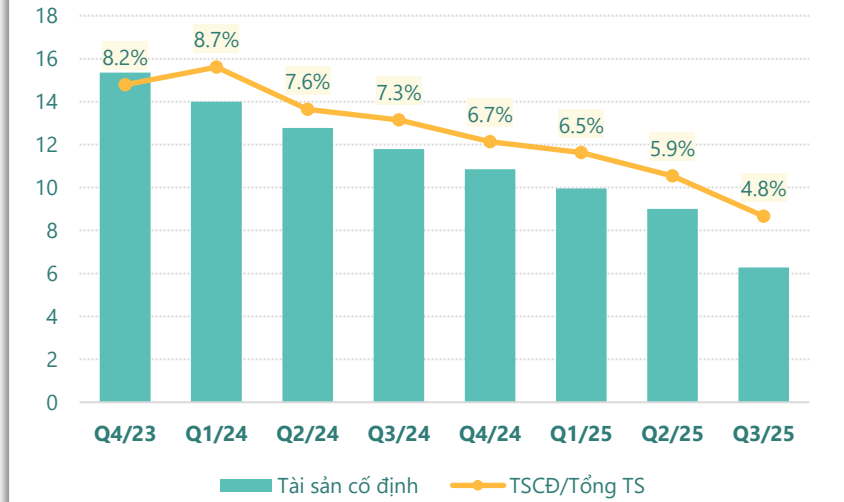
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

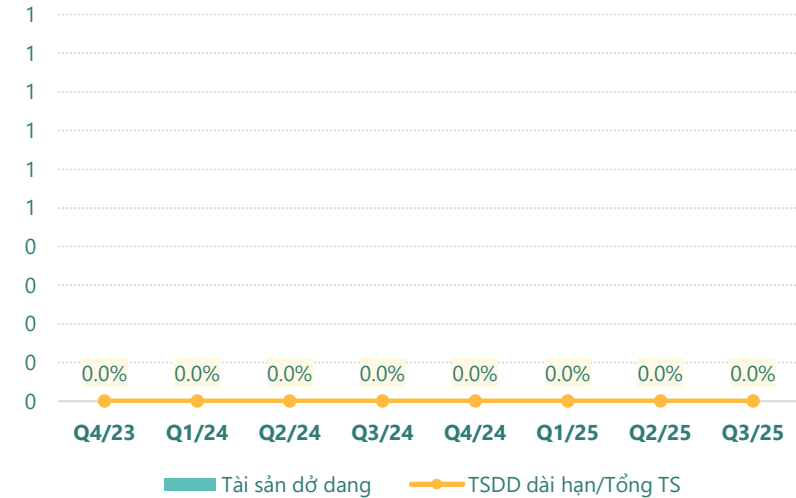
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

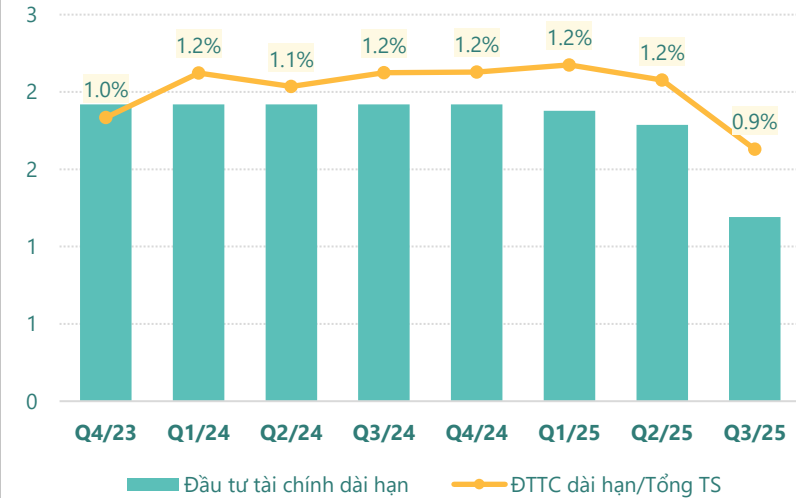
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

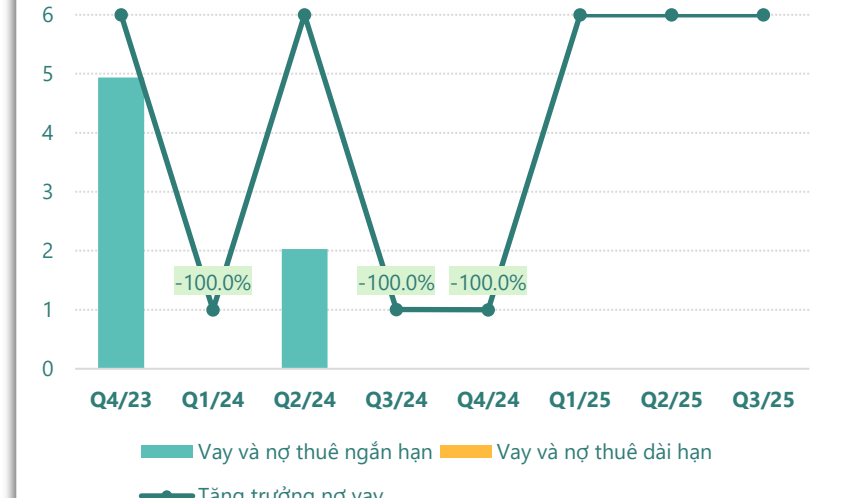
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

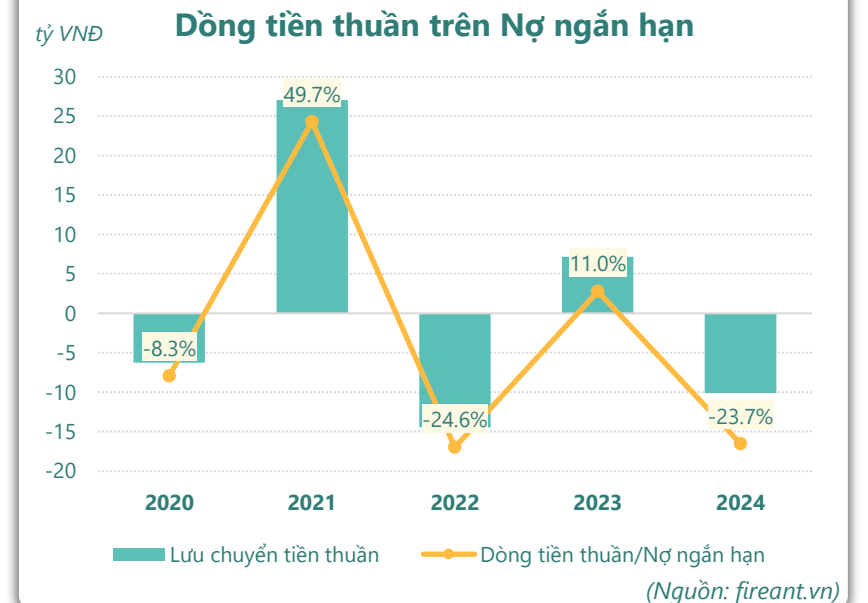
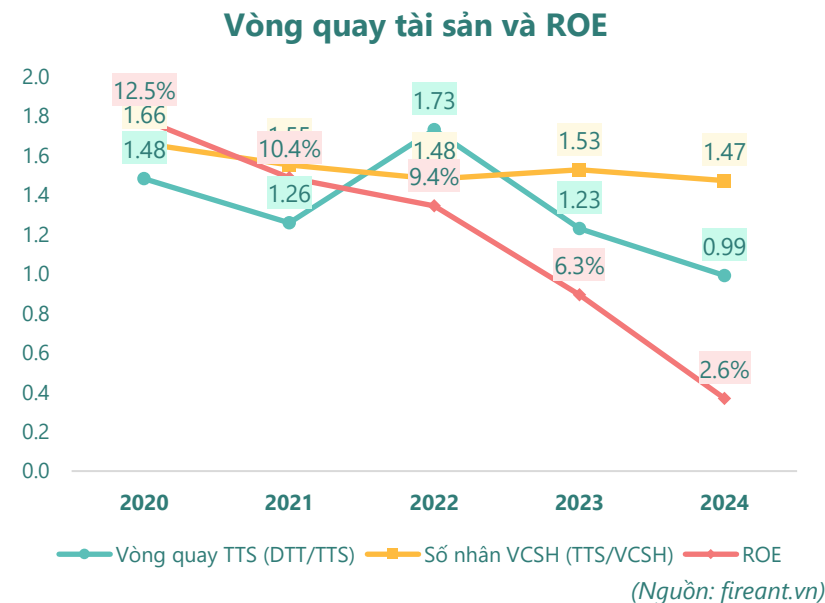
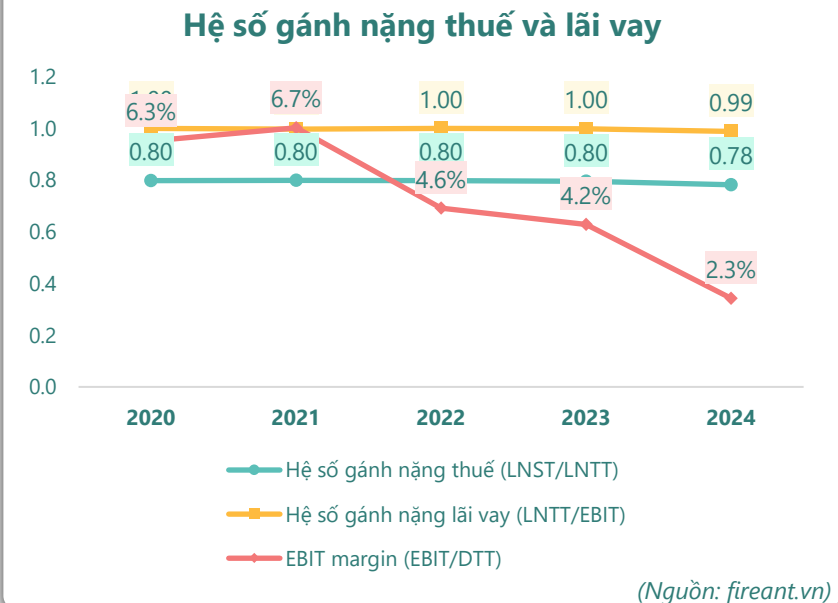
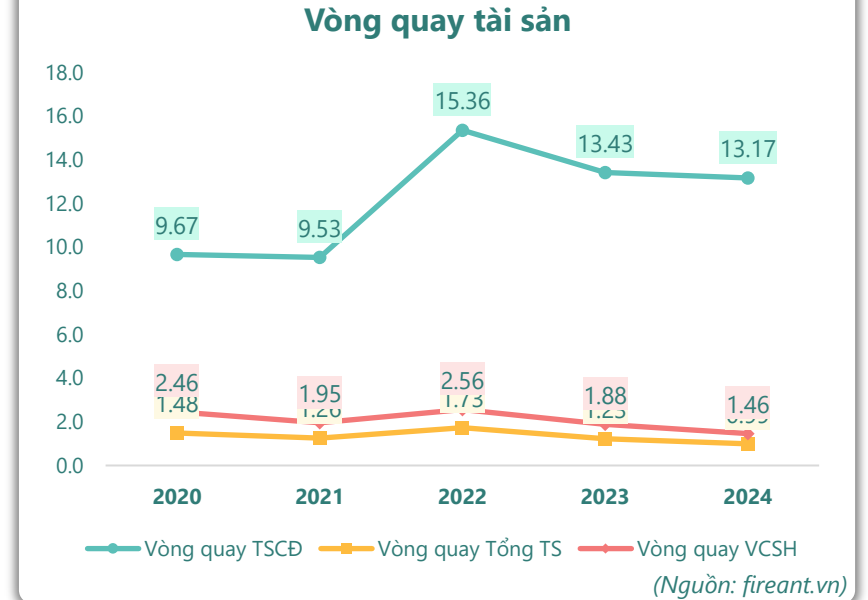
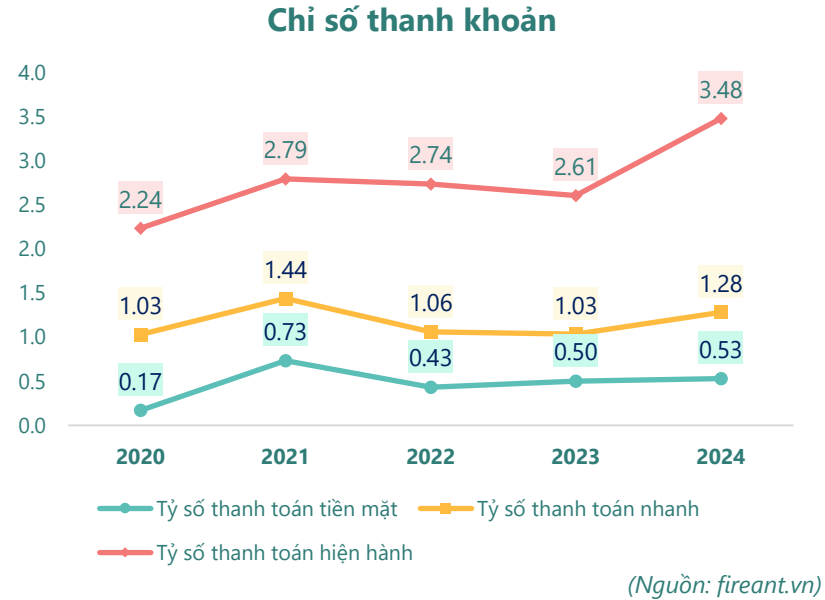
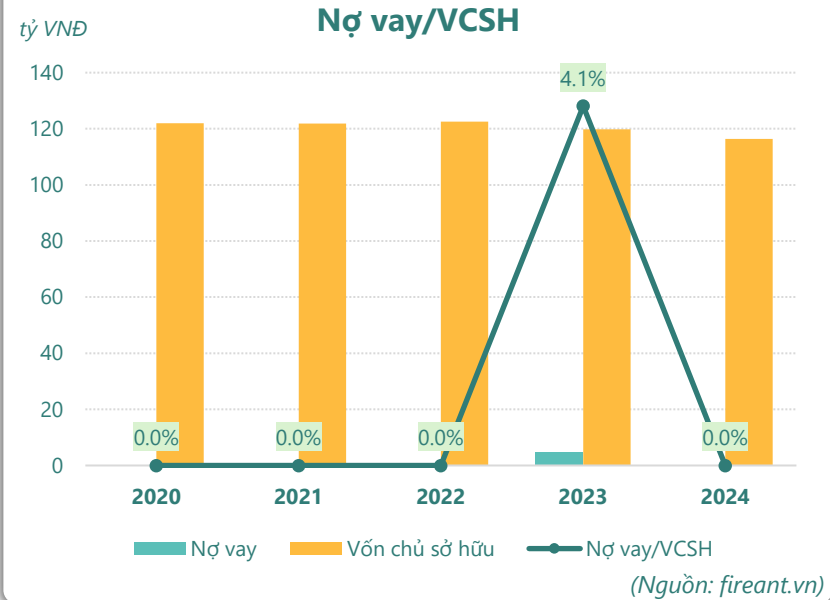
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG



**KẾT QUẢ KINH DOANH**

(tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	39.8	46.7	-14.8%	106	129	-18.0%
Giá vốn hàng bán	39.3	40.7	-3.3%	94.4	111	-15.1%
Lợi nhuận gộp	0.43	6.06	-92.9%	11.1	17.5	-36.4%
Doanh thu HĐTC	0.14	0.09	52.3%	0.40	0.35	15.5%
Chi phí TC	1.11	0.06	1753%	1.38	0.49	184%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0.00	0.04	-98.7%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0.88	0.99	-10.7%	2.73	3.13	-12.8%
Chi phí QLDN	3.76	3.53	6.5%	12.6	11.5	9.6%
LN thuần từ HĐKD	-5.19	1.57	-430%	-5.14	2.77	-285%
Lợi nhuận khác	-1.33	0.29	-559%	-1.35	0.28	-579%
LN trước thuế	-6.52	1.86	-450%	-6.49	3.06	-312%
Lợi nhuận sau thuế	-6.52	1.49	-537%	-6.50	2.44	-366%
LNST của CĐ cty mẹ	-6.52	1.49	-537%	-6.50	2.44	-366%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-2.88	3.16	3.59	1.45	1.05	18.5
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.08	0.36	0.11	0.12	0.10	1.30
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	2.03	-2.03	0.00	0	-2.38	0
Tiền đầu kỳ	18.2	17.4	18.9	22.6	24.2	23.0
Lưu chuyển tiền thuần	-0.78	1.49	3.70	1.57	-1.22	19.8
Ảnh hưởng tỷ giá	0.01	-0.04	0.06	0.00	0.01	0.02
Tiền cuối kỳ	17.4	18.9	22.6	24.2	23.0	42.8

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	131	161	-18.9%
Tài sản ngắn hạn	123	148	-17.0%
Tiền và tương đương tiền	42.8	22.6	89.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	5.49	6.18	-11.1%
Phải thu ngắn hạn	26.6	25.6	4.2%
Hàng tồn kho	47.7	93.6	-49.0%
Tài sản ngắn hạn khác	0.31	0.21	50.1%
Tài sản dài hạn	7.56	12.8	-41.0%
Phải thu dài hạn	0.09	0.09	0.0%
Tài sản cố định	6.28	10.8	-42.1%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	1.19	1.88	-36.6%
Tài sản dài hạn khác	0	0	
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	23.6	44.6	-47.1%
Nợ ngắn hạn	21.6	42.6	-49.3%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	2.20	11.8	-81.4%
Nợ dài hạn	2.03	2.04	-0.5%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	107	116	-8.1%
Vốn chủ sở hữu	107	116	-8.1%
Vốn điều lệ	59.9	59.9	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

